

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Văn hóa Đông Nam Á	Mã học phần 127021
Tên tiếng Việt: Văn hóa Đông Nam Á	
Tên tiếng Anh: Southeast Asian Culture	
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương; <input type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp	
<input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 02	
Số tiết lý thuyết: 18	Số tiết thảo luận: 12
Số tiết thực hành: 12	Số tiết tự học: 90
Số tiết các hoạt động khác:	
Học phần tiên quyết: Không	
Học phần kế tiếp: Không	
Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Lê Thanh Thủy	Bộ môn Việt Nam học – Du lịch, Khoa Khoa học Xã hội, ĐH Hồng Đức	0962.453.918 lethanhtuy@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	TS. Lê Sĩ Hưng	Bộ môn Lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, ĐH Hồng Đức	0913.722.148 lesihung@hdu.edu.vn	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá Đông Nam Á. Bao gồm: đặc điểm chung về tự nhiên, lịch sử và văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á; tiến trình lịch sử văn hoá khu vực; các nhóm chủng tộc chính và các dân tộc ở Đông Nam Á; các thành tố cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như ngôn ngữ, tôn giáo – tín ngưỡng, lễ hội – lễ tết, phong tục tập quán, nghệ thuật

4. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR HP (CLO_x)	Mô tả chi tiết CĐR HP	CĐR CTĐT liên quan (PLO)
Kiến thức		
CLO1.1	Sinh viên hiểu được cơ bản về lịch sử, văn hóa khu vực và các nước Đông Nam Á.	PLO4
CLO1.2	Sinh viên hiểu và phân tích được đặc điểm chung về tự nhiên, lịch sử và văn hoá của các quốc gia Đông Nam Á; tiến trình lịch sử văn hoá khu vực.	PLO4
CLO1.3	Hiểu và nhận diện được các nhóm chủng tộc chính và các dân tộc ở Đông Nam Á; các thành tố cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như ngôn ngữ, tôn giáo – tín ngưỡng, lễ hội – lễ tết, phong tục tập quán, nghệ thuật.	PLO5
Kỹ năng		
CLO2.1	Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa của các nước Đông Nam Á;	PLO6
CLO2.2	Phân biệt được đặc điểm đặc trưng trong văn hóa từng quốc gia trong khu vực;	PLO5
CLO2.3	Sử dụng được kiến thức về văn hóa các nước Đông Nam Á để thuyết minh, hướng dẫn du lịch.	PLO11
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3.1	Có ý thức, trách nhiệm trong việc gìn giữ và bảo tồn văn hóa đặc sắc của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á.	PLO7
CLO3.2	Tinh thần đoàn kết, sẵn sàng hợp tác với các dân tộc Đông Nam Á để cùng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc.	PLO13

5. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb TPHCM.

[2]. Lương Ninh (2015), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia.

6. Đánh giá kết quả học tập

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1 CLO3.2	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá	CLO1.1	

		nhân	CLO1.2 CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án		
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO1.2 CLO2.1	

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học Giảng viên xây dựng nội dung và hình thức tổ chức dạy học theo từng chương của học phần,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Đáp ứng CDR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
	LT	BT/TL	Thực hành	Khác	Tự học	KT – ĐG			
Nội dung 1 Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người	2	0	0	0	8	KT-ĐGTX	CLO1.1 CLO1.2	[1], [2]	- Đọc trước bài học. - Đọc học liệu 1, Phần thứ nhất.
Nội dung 2 Tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á	2	2	0	0	10	KT-ĐGTX	CLO1.1 CLO1.2	[1],[3]	- Sinh viên đọc trước bài học; - Đọc tài liệu 1, chương 1.
Nội dung 3 Ngôn ngữ, chữ viết Đông Nam Á	2	3	0	0	9	KT-ĐGTX BTN1	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2	[1], [2]	- Sinh viên đọc trước bài học; - Đọc tài liệu 1, chương 2.
Nội dung 4 Tín ngưỡng bản địa	2	3	0	0	8	KT-ĐGTX KTGK	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	[1],[2]	- Sinh viên đọc trước bài học; - Chia theo nhóm để làm bài tập nhóm.
Nội dung 5 Tôn giáo	2	2	0	0	8	KT-ĐGTX BTN2	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	[1], [2], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;

Nội dung 6 Lễ hội – Lễ Tết	2	3	0	0	9	KT- ĐGTX	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	[1], [2],[3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;
Nội dung 7 Phong tục tập quán	2	3	0	0	8	KT- ĐGTX	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3	[1], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;
Nội dung 8 Nhà ở	1	2	0	0	7	KT- ĐGTX	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	[1], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;
Nội dung 9 Nghệ thuật tạo hình	2	3	0	0	8	KT- ĐGTX	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	[1], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;
Nội dung 10 Nghệ thuật biểu diễn	1	3	0	0	9	KT- ĐGTX	CLO1.3 CLO2.1 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2	[1], [3]	- Sinh viên đọc trước nội dung bài học;
Cộng	18	24	0	0	90				

8. Quy định đối với sinh viên: Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.
- Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

Ngày 01 tháng 9 năm 2022

Duyệt
Khoa KHXH



PGS.TS. Mai Văn Tùng

Trưởng Bộ môn
(Ký/họ tên)



TS. Đào Thanh Thủy

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

Giảng viên
(Ký/họ tên)



TS. Lê Thanh Thủy

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Ghi chú: ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho sinh viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho sinh viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.

PHỤ LỤC RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

RUBIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Trắc nghiệm	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO1.1	20%
III	Thi cuối kì			
5	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO2.2, CLO2.3	50%
6	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

2. CÁC RUBIC ĐÁNH GIÁ

2.1. Rubric kiểm tra thường xuyên

2.1.1. Rubric đánh giá chuyên cần

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F 0 điểm	Mức D (0,4-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9) điểm	Mức B (7,0-8,4) điểm	Mức A (8,5-10) điểm	
Chuyên cần	Không đi học (nghỉ quá 20% số giờ trên lớp)	Đi học không chuyên cần	Đi học khá chuyên cần	Đi học chuyên cần	Đi học rất chuyên cần	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, Đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, Các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%
Điểm trừ	02 lần khiển trách hạ 1 bậc, 1 lần đình chỉ hạ 2 bậc (1 bậc từ 1-2 điểm)					

2.1.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Mức F 0 điểm	Mức D (0,4-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9) điểm	Mức B (7,0-8,4) điểm	Mức A (8,5-10) điểm	Trọng số
Nội dung	Không có bài tập	Làm bài đúng theo yêu cầu < 50 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 50 % dưới 70 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 70-85 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 85%	50%
Khả năng vận dụng		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giao trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	30%
Khả năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo		Không phân tích, tổng hợp được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra	20%

2.1.3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn			
	Mức D 0 điểm	Mức C Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Thảo luận nhóm	Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

2.2. Rubric kiểm tra giữa kì

Tiêu chí	Mức F 0 điểm	Mức D (0,4-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Nội dung	Không có bài kiểm tra, bài kiểm tra không thực hiện yêu cầu	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	50%
Khả năng vận dụng		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện được bài tập trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	30%
Khả năng phân tích, loại trừ các đáp án		Không phân tích, loại trừ được các đáp án gần đúng	Phân tích chưa chính xác	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra	20%

2.3. Rubric thi cuối kì

2.3.1. Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm

Tiêu chí	Mức F 0 điểm	Mức D (0,4-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Nội dung	Không có bài thi, bài thi không thực hiện theo yêu cầu	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%	50%

Khả năng vận dụng	câu	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo	30%
Khả năng phân tích, loại trừ các đáp án		Không phân tích, loại trừ được các đáp án gần đúng	Phân tích chưa chính xác	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra	20%

2.3.1. Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí	Mức F 0 điểm	Mức D (0,4-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Hình thức	Không có bài tập, nộp bài tập quá hạn	Trình bày chưa đúng quy định, cấu trúc chưa hợp lý	Trình bày đúng quy định, cấu trúc hợp lý, tuy nhiên còn nhiều lỗi chính tả.	Trình bày đúng quy định, cấu trúc hợp lý	Trình bày đúng quy định, sử dụng văn phong khoa học, cấu trúc hợp lý và có sự sáng tạo, chuyên nghiệp	20%
Nội dung		Các nội dung không liên quan đến đề tài,	Các nội dung có liên quan đến đề tài, nhưng chưa đầy đủ	Bao gồm các nội dung cần thiết liên quan đến đề tài	Bao gồm các nội dung cần thiết liên quan đến đề tài, thể hiện sự vận dụng kiến thức một cách sáng tạo	50%
Kết quả đạt được		Kết quả đạt được không phù hợp với đề tài	Có nhận xét đánh giá, kiến nghị nhưng chưa hoàn toàn phù hợp	Có nhận xét đánh giá, kiến nghị phù hợp, logic	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra, có nhận xét đánh giá, kiến nghị xác đáng, thể hiện sự sáng tạo.	30%